

Số: 07/2026/QĐST-VDS

Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Hạnh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên họp:
Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 52/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026 về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 33/2026/QĐST-DS ngày 02/02/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:* UBND xã K, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N – Chủ tịch UBND xã.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 09/5/1973

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030073004625 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2022

+ Chị Hoàng Thị Bích N1, sinh ngày 05/8/1975

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường V, tỉnh Phú Thọ.

Số CCCD: 030175000987 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/4/2021

Đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu trình bày: Căn cứ để UBND xã K yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: UBND xã K nhận được đơn đề nghị của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng và chị Hoàng Thị Bích N1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường V, tỉnh Phú Thọ về việc đề nghị UBND xã K xem xét

trường hợp đăng ký kết hôn chưa đủ tuổi của anh chị theo Giấy chứng nhận kết hôn số 021/1992 ngày 01/7/1992 của UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là xã K, thành phố Hải Phòng).

UBND xã K kiểm tra thấy rằng, anh H và chị N1 có đăng ký kết hôn, tại sổ đăng ký kết hôn năm 1992 với tên chồng Nguyễn Văn H 23 tuổi và tên vợ Hoàng Thị Bích N1 20 tuổi, ngày đăng ký kết hôn là 01/7/1992. Căn cứ giấy tờ, hồ sơ của công dân (giấy khai sinh, căn cước công dân) cho thấy tại thời điểm kết hôn thì anh H đã đủ tuổi kết hôn, còn chị N1 chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Tuy nhiên khi đăng ký kết hôn chị N1 đã khai tăng tuổi để đủ tuổi được đăng ký kết hôn, do vậy tại sổ đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn đã ghi chị N1 20 tuổi.

Bằng văn bản này, UBND xã giữ nguyên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh H, chị N1. Trường hợp anh H, chị N1 có đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị N1 đủ tuổi kết hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh H, chị N1.

Hiện nay, do tính chất công việc có nhiều việc phải giải quyết, UBND xã K đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án liên quan đến giải quyết vụ việc dân sự trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh H, chị N1 trình bày:

Anh chị sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là xã K, thành phố Hải Phòng) đăng ký kết hôn vào năm 1992 theo giấy chứng nhận kết hôn số 021/1992 ngày 01/7/1992. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống hạnh phúc cho đến nay, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Do tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh chị không hiểu rõ quy định của pháp luật nên chị N1 đã khai trong Giấy chứng nhận kết hôn chị 20 tuổi (nhưng thực chất theo Giấy khai sinh chị N1 sinh ngày 05/8/1975). Chị N1 biết là chị chưa đủ tuổi kết hôn (chị N1 chưa 18 tuổi) nên chị N1 đã khai chị 20 tuổi để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Chị N1 xác định chị sinh ngày 05/8/1975 là đúng. Nay UBND xã K yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh chị đồng ý, anh chị đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của anh chị kể từ ngày chị N1 đủ tuổi kết hôn. Anh chị hiện tại có 02 con chung: Nguyễn Đăng Q – sinh năm 1994 và Nguyễn Nhật T – sinh năm 2001 đều đã trưởng thành, tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên họp:

- Người đại diện hợp pháp của UBND xã K vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và trình bày: Chị N1 chưa đủ tuổi kết hôn, đã khai tăng tuổi là vi phạm độ tuổi kết hôn theo quy định. Do đó, UBND xã K giữ nguyên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh H, chị N1. Trường hợp anh H, chị N1 đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị N1 đủ tuổi kết hôn thì đề nghị Tòa án

giải quyết theo nguyện vọng của anh H và chị N1 trên cơ sở quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị Bích N1 vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết: Công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị N1 đủ tuổi kết hôn (trên cơ sở Giấy đăng ký kết hôn số 021/1992 ngày 01/7/1992 của UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là xã K, thành phố Hải Phòng)).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS; Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, Điều 10, khoản 2 Điều 11, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã K, thành phố Hải Phòng về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị Bích N1 tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 01/7/1992.

- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng và chị Hoàng Thị Bích N1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường V, tỉnh Phú Thọ kể từ ngày chị N1 đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 06/8/1992.

- Về lệ phí: UBND xã K được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết yêu cầu: UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND xã K, thành phố Hải Phòng) là nơi đăng ký kết hôn trái pháp luật

cho anh H, chị N1. UBND xã K có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng hủy việc kết hôn trái pháp luật, đồng thời quá trình giải quyết anh H, chị N1 yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ khi chị N1 đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 10, 11 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của người giam gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng giải quyết việc dân sự tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3] Về ngày tháng năm sinh của anh H, chị N1: Tại biên bản lấy lời khai, chị N1 xác định ngày tháng năm sinh đúng của chị N1 là ngày 05/08/1975. Anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn, UBND xã K đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 021/1992 ngày 01/7/1992 cho anh chị. Khi đó anh chị không đem theo giấy tờ tùy thân, không nhớ chính xác ngày tháng năm sinh, chị N1 chưa đủ tuổi kết hôn nên chị N1 đã khai tăng tuổi là 20 tuổi (cho đủ tuổi kết hôn) còn anh H đã đủ tuổi kết hôn. Trên cơ sở các giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân, giấy khai sinh của chị N1), đồng thời căn cứ nội dung UBND xã K xác nhận thông tin của chị N1, có đủ cơ sở xác định: Chị Hoàng Thị Bích N1 20 tuổi ghi trong Giấy đăng ký kết hôn với chị Hoàng Thị Bích N1, sinh ngày 05/8/1975 ghi trong CCCD số 030175000987 là một người

[4] Về nội dung yêu cầu: Anh H, chị N1 xác định anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND xã K, thành phố Hải Phòng) ngày 01/7/1992. Căn cứ ngày tháng năm sinh của chị N1, tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị N1 mới 16 tuổi 10 tháng 26 ngày chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Như vậy, việc kết hôn của anh chị đã vi phạm về độ tuổi kết hôn, UBND xã K không kiểm tra giấy tờ tùy thân đã đăng ký kết hôn cho anh H và chị N1 là trái pháp luật. Do đó, UBND xã K yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên, tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh H, chị N1 cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Xét thấy anh H, chị N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống hạnh phúc từ đó đến nay, đã có 02 con chung. Anh chị đã có đủ các điều kiện kết hôn theo điều 8 Luật hôn nhân và gia đình 2014, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định khoản 2 Điều 11, điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, không cần tuyên hủy kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân của anh H, chị N1 kể từ thời điểm chị N1 đủ tuổi kết hôn là ngày 06/8/1992.

[5] Về lệ phí: UBND xã K yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật nên được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 2, 3 Điều 367, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, Điều 10, khoản 2 Điều 11, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã K, thành phố Hải Phòng về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị Bích N1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 021/1992 ngày 01/7/1992 của UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND xã K, thành phố Hải Phòng).

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng và chị Hoàng Thị Bích N1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường V, tỉnh Phú Thọ kể từ ngày chị N1 đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 06/8/1992.

3. Lệ phí: UBND xã K được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân

sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận

- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 10 – Hải Phòng;*
- *UBND xã Kim Thành, TP Hải Phòng;*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Hạnh